

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/01/2019

Về việc: “*Tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Ngọc Trâm.

2. Bà Dương Thị Tư.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **NTTV**, sinh năm 1986 – có mặt.

Địa chỉ: E2/7, ấp TC, xã TH, huyện HT, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh **NTT**, sinh năm 1987 – vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: số 19, tổ 8, ấp NT, xã TĐ, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2018, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị NTTV trình bày:

Chị NTTV và anh NTT chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn, không sống chung từ 09/2017 âm lịch. Anh chị đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 155/2018/QĐST – HNGĐ ngày 02/5/2018.

Khi chị V và anh Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì thống nhất tài sản anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị tự thỏa thuận như sau: Phần đất gia đình của anh Tr cho riêng anh Tr nên là tài sản riêng của anh Tr, còn căn nhà là của chung vợ chồng. Căn nhà được xây năm 2014, khi xây 100.000.000 đồng, giá hiện tại 60.000.000 đồng, tài sản trong nhà 20.000.000 đồng, tổng tài sản chung của vợ chồng là 80.000.000 đồng, chia làm đôi mỗi người được 40.000.000 đồng. Anh Tr quản lý toàn bộ tài sản nên phải giao lại cho chị V 40.000.000 đồng, thời hạn giao tiền là 01 tháng, việc thỏa thuận chia tài sản của vợ chồng không có làm giấy tờ. Hết thời hạn 01 tháng anh Tr không thực hiện nên chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị V yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm các tài sản sau đây:

- Phần đất có diện tích 275,2 m², thửa số 355, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp NT, xã TĐ, huyện Hòa Thành, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh NTT vào ngày 05/10/2016. Phần đất này có nguồn gốc do cha mẹ ruột anh Tr tặng cho. Năm 2012, khi chị và anh Tr sống chung thì sống tại phần đất này, trên đất có 01 căn nhà nhỏ của anh Tr. Năm 2016, ba mẹ anh Tr mới làm thủ tục tặng cho, khi đi làm thủ tục tặng cho, chị V và anh Tr cùng đi làm nhưng đến nơi, chị V ngồi ở ngoài chờ, anh Tr vào trong làm giấy tờ. Khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tên chị V, chị V có hỏi thì anh Tr nói trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tên chị V nhưng trong sổ bộ có ghi tên chị V.

- Căn nhà trên đất được xây dựng vào năm 2014, số tiền xây nhà là 100.000.000 đồng, vợ chồng dành dụm được 50.000.000 đồng, cha mẹ hai bên mỗi bên cho 10.000.000 đồng, mượn thêm 30.000.000 đồng nhưng đã trả xong.

- Hàng rào xung quanh nhà xây năm 2017, số tiền 10.000.000 đồng.

- Toàn bộ tài sản trong nhà chị yêu cầu chia gồm: Xe surius, máy giặt, vật dụng trong nhà, bàn ghế, tủ lạnh, dàn nhạc sống.

Trước đây, chị V muốn tự thỏa thuận nên chị thừa nhận đất là của riêng anh Tr, chị V chỉ yêu cầu chia căn nhà, toàn bộ tài sản trong nhà và đồng ý nhận số tiền 40.000.000 đồng nhưng anh Tr không thực hiện. Nay, chị V yêu cầu chia toàn bộ tài sản trên, chị tự định giá toàn bộ tài sản chung trị giá 200.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết, chị có yêu cầu Tòa án đo đạc định giá toàn bộ tài sản tranh chấp để có căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ngày 25/9/2018, khi Hội đồng định giá xuống làm việc, anh Tr không hợp tác, không đồng ý cho Hội đồng định giá làm việc, không mở công rào và mở cửa nhà nên Hội đồng định giá không định giá được.

Về nợ chung:

Hiện tại vợ chồng không có nợ chung. Tuy nhiên, trong thời gian vợ chồng sống chung, anh chị có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện HT số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này sử dụng để trả tiền nợ xây nhà và mua dàn nhạc sống. Vài tháng sau, anh chị trả khoảng nợ 50.000.000 đồng và vay lại số tiền là 80.000.000 đồng. Số tiền này dùng để đầu tư thêm vào dàn nhạc sống và xây hàng rào xung quanh đất. Cuối tháng 09/2017 âm lịch, khi vợ chồng không còn sống chung thì anh Tr đã bán 01 phần đất là tài sản riêng của anh Tr để trả khoản nợ 80.000.000 đồng cho Ngân hàng xong. Nên chị V thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng. Do anh Tr đã trả xong nên chị đồng ý trả lại cho anh Tr một nửa.

Như vậy, chị V đồng lấy toàn bộ giá trị tài sản chung là 200.000.000 đồng, trừ đi phần nợ chung là 80.000.000 đồng, còn lại số tiền 120.000.000 đồng, chị yêu cầu chia đôi và nhận bằng tiền. Anh Tr đang quản lý toàn bộ tài sản chung nên phải có nghĩa vụ đưa lại cho chị V số tiền 60.000.000 đồng. Ngoài ra, chị V không còn yêu cầu nào khác.

Đối với các chi phí tố tụng chị V đã nộp và tự nguyện chịu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2018, bị đơn anh NTT trình bày:

Anh Tr thống nhất với lời trình bày của chị V về thời gian vợ chồng bắt đầu chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và thời gian ly hôn.

Khi anh chị ly hôn, cả hai thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tr thừa nhận thỏa thuận chia tài sản chung như chị V trình bày, vợ chồng thỏa thuận tài sản chung gồm căn nhà trên đất trị giá 60.000.000 đồng, tài sản trong nhà trị giá 20.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng. Anh Tr đang quản lý toàn bộ tài sản chung nên anh Tr có nghĩa vụ giao lại cho chị V số tiền 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, thời hạn giao tiền hai bên thỏa thuận 04 năm, mỗi năm 10.000.000 đồng chứ không

phải giao 01 lần 40.000.000 đồng như chị V trình bày. Việc thỏa thuận này không có làm giấy tờ.

Tuy nhiên, khi anh Tr kêu chị V xuống nhận trước số tiền 10.000.000 đồng thì chị V không đồng ý nhận, chị V yêu cầu nhận 01 lần với số tiền 40.000.000 đồng thì anh không có khả năng nên chị V khởi kiện anh tại Tòa án.

Đối với phần đất có diện tích 275,2 m², thửa số 355, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp NT, xã TĐ, huyện Hòa Thành, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh NTT vào ngày 05/10/2016. Phần đất này có nguồn gốc do cha mẹ ruột anh Tr tặng cho riêng anh Tr vào năm 2016 và anh Tr đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên là tài sản riêng của anh Tr.

Đối với căn nhà trên đất được xây dựng vào năm 2014, số tiền xây nhà là 100.000.000 đồng, anh Tr thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng và thống nhất giá trị hiện tại như ý kiến của chị V là 60.000.000 đồng.

Đối với toàn bộ tài sản trong nhà chị V tự định giá là 20.000.000 đồng thì anh Tr đồng ý.

Dàn nhạc sống anh Tr đang quản lý, thời gian nào không nhớ chính xác vợ chồng có vay tiền của Ngân hàng 50.000.000 đồng để đầu tư dàn nhạc sống, sau đó còn thiếu nên đã vay thêm 30.000.000 đồng. Trị giá hiện tại là 60.000.000 đồng.

Về nợ chung:

Anh thống nhất phần nợ chung là 80.000.000 đồng như lời chị V trình bày, phần nợ này do vợ chồng anh chị vay trong thời kỳ hôn nhân. Thời điểm vợ chồng không sống chung, anh đã tự bán phần đất là tài sản riêng của mình để trả nợ nên anh yêu cầu chị V phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Tr số tiền nợ chung là 40.000.000 đồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị V thì anh Tr không đồng ý. Anh Tr yêu cầu khấu trừ nợ chung vào tài sản chung, anh Tr đồng ý giao cho chị V số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng

vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Phần đất tranh chấp cho có nguồn gốc của cha mẹ ruột anh Tr tặng cho. Theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cơ sở xác định anh Tr được tặng cho riêng nên đây là tài sản chung của anh Tr. Đối với căn nhà trên đất và tài sản trong nhà và dàn nhạc sống, anh Tr thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do anh Tr đang quản lý toàn bộ tài sản chung nhưng không hợp tác nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá tài sản tranh chấp được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các đương sự và giá do các đương sự đưa ra để xác định giá trị tài sản tranh chấp. Do khi ly hôn anh Tr, chị V chưa chia tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị V đối với anh Tr. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Trong quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành thì về tài sản chung của chị V và anh Tr chưa được giải quyết. Sau khi ly hôn, chị V yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, đây là tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nguồn gốc đất tranh chấp: Phần đất có diện tích 275,2 m², thửa số 355, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp NT, xã TĐ, huyện Hòa Thành, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh TN cấp cho anh NTT vào ngày 05/10/2016. Phần đất này có nguồn gốc do cha mẹ ruột anh Tr tặng cho anh Tr vào ngày 22/9/2016. Theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 22/9/2016 được công chứng tại Văn phòng Công chứng NGT và toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Tr đang được lưu giữ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – chi nhánh huyện HT thì quyền sử dụng đất này anh Tr được ba mẹ tặng cho riêng nên đây là tài sản riêng của anh Tr. Chị V cho rằng quyền sử dụng đất này ba mẹ ruột anh Tr tặng cho chung vợ chồng nên là tài sản chung của vợ chồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

[3]. Đối với căn nhà trên đất, cả anh Tr và chị V đều thống nhất thừa nhận được xây dựng vào năm 2014, số tiền xây dựng là 100.000.000 đồng, giá trị hiện tại là 60.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Đối với toàn bộ tài sản trong nhà gồm: Xe mô tô surius, máy giặt, bàn ghế, tủ lạnh, vật dụng trong nhà... chị V và anh Tr thống nhất trị giá là 20.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Đối với dàn nhạc sống anh Tr đang quản lý, anh Tr tự định giá là 60.000.000 đồng và hàng rào trên đất chị V tự định giá là 10.000.000 đồng. Ngày 25/10/2018, Hội đồng định giá tiến hành định giá toàn bộ tranh chấp, anh Tr không hợp tác nên Hội đồng định giá không định giá tài sản tranh chấp được. Do dàn nhạc sống và hàng rào trên đất không định giá được nên Hội đồng xét xử áp dụng Thông tư liên tịch số: 02/2014/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP – BTC ngày 28/3/2014 về hướng dẫn thi hành Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản, để xác định giá tài sản bị thiệt hại là giá do một bên đương sự cung cấp. Do đó, có cơ sở xác định dàn nhạc sống có giá trị là 60.000.000 đồng và hàng rào trên đất có giá trị là 10.000.000 đồng.

Do đó, tổng cộng tài sản chung trị giá là 150.000.000 đồng.

[6]. Về nợ chung: Anh Tr và chị V thống nhất thừa nhận nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của anh chị là 80.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Phần nợ chung này anh Tr đã tự bán đất là tài sản riêng của anh Tr để trả, anh Tr yêu cầu chị V phải có trách nhiệm trả lại cho anh một nửa là 40.000.000 đồng, chị V cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. **Xét yêu cầu chia tài sản chung của chị V thấy rằng:** Tổng tài sản chung có trị giá là 150.000.000 đồng, phần nợ chung là 80.000.000 đồng, sau khi khấu trừ thì tài sản chung còn lại trị giá là 70.000.000 đồng. Sau khi vợ chồng không còn sống chung thì anh Tr là người quản lý toàn bộ tài sản chung, trong đó dàn nhạc sống là tài sản có tạo ra thu thập, chị V đang trực tiếp nuôi con. Mặt khác, trước khi ly hôn, chị V và anh Tr thống nhất thỏa thuận anh Tr có nghĩa vụ giao lại cho chị V số tiền 40.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình chia cho chị V phần tài sản nhiều hơn trị giá là 40.000.000 đồng, anh Tr phần tài sản trị giá 30.000.000 đồng. Do anh Tr là người đang quản lý toàn bộ tài sản nên anh Tr phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị V số tiền là 40.000.000 đồng.

[8]. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc định giá là 1.500.000 đồng, chi phí trích lục hồ sơ là 100.000 đồng, ghi nhận chị V tự nguyện nộp xong chi phí này. Ghi nhận đã nộp xong.

[9]. Về án phí: Chị V phải chịu 5% x 40.000.000 đồng = 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Tr phải chịu 5% x 30.000.000 đồng = 1.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 33, 43, 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị NTTV đối với anh NTT về việc chia tài sản sau khi ly hôn.

Anh NTT được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 275,2 m², thửa số 355, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp NT, xã TĐ, huyện Hòa Thành, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04716 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh NTT vào ngày 05/10/2016, có tứ cận:

- Phía Đông giáp đường 20 mét dài 10 mét;
- Phía Tây giáp thửa 22 dài 10 mét;
- Phía Nam giáp thửa 356 dài 28,4 mét;
- Phía Bắc giáp thửa 22 dài 27 mét;

Anh Tr được quyền sở hữu căn nhà trên đất, toàn bộ tài sản gắn liền với đất, toàn bộ đồ dùng trong nhà và đàn nhạc sống.

Anh Tr có nghĩa vụ giao cho chị V số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc định giá là 1.500.000 đồng, chi phí trích lục hồ sơ là 100.000 đồng, ghi nhận chị V đã nộp xong và tự nguyện chịu.

3. Về án phí:

Chị NTTV phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0019963 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN. Hoàn trả lại cho chị V số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Anh NTT phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị NTTV được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh NTT vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng